

## Phụ-trương bằng chữ Pháp. — Supplément en français

Réception de la mission des Étudiantes françaises à la  
Société des Amis du Vieux Hué

Allocution de M. le Résident Supérieur PASQUIER

Hội Đô-thành Hiếu-cổ ở Huế nghênh-tiếp các cô nữ-học-  
sinh Pháp đi du-lich (ngày 5 tháng 12 năm 1924)

Bài diễn-thuyết mừng của quan Khâm-sứ PASQUIER

Mesdemoiselles,

Le Vieux-Hué est très heureux et très flatté de vous recevoir ce soir. Il n'a jamais connu aussi heureuse fortune. Les Dieux le comblent. Il eut, il est vrai, des heures de gloire et d'émotions patriotiques avec le Vainqueur de la Marne, des soirées de méditations philosophiques avec le Bouddha vivant — j'ai nommé le Professeur Sylvain Lévi — ; des séances substantielles, pleines d'aperçus nouveaux sur les rapports qui lient l'homme à la terre avec le Professeur Bruhnes ; jamais comme aujourd'hui, il n'avait ressenti cette joie de qualité si intime et si délicate, cette sérénité souriante et lumineuse qui lui viennent de votre allégresse juvénile et de la lumière de vos yeux, reflet de la clarté de vos âmes. Parure charmante de notre doux pays, vous nouez autour de notre table et de nos travaux la plus gracieuse des guirlandes en nous apportant le parfum des deux plus belles fleurs de France : la jeunesse et l'intelligence.

A cette jeunesse à l'esprit fougueux, à la vie pensive, « qui tend de toutes parts les voiles à l'espérance qui l'enfle et la conduit », je veux m'adresser, pour livrer à ses méditations certains aspects du problème que pose le contact, j'allais dire le conflit, de notre civilisation gré-

Các cô,

Hội Đô-thành-Hiếu-cổ chiều nay được nghênh-tiếp các cô lấy làm hân-hạnh lắm. Thật không bao giờ được sự may-mắn như thế này. Trời Phật phù-hộ thật. Trước kia cũng đã từng nhiều phen đón các khách sang, như đón quan Thống-tướng JOFFRE mà được một buổi vẻ-vang cảm-kích tấm lòng ái-quốc ; đón ông « Hoạt-Phật », — tức là bác-sĩ SYLVAIN LÉVI, — mà được mấy buổi nghiên-ngâm triết - lý ; đón bác - sĩ BRUHNES mà được mấy buổi đàm-luận thâm-trầm, khám-phá về sự quan-hệ người ta với cõi đất ; nhưng chưa bao giờ được cái vui thân-mật và ý-nhi, được cái thú tươi-tỉnh và sáng-sủa như ngày hôm nay được tiếp các cô, cái vui cái thú ấy là ở cái vẻ thanh-niên khoái hoạt, ở cái mắt sáng suốt tinh-anh của các cô, phần-chiếu những tấm hồn quang-đăng. Các cô là cái vẻ đẹp thanh-tao của nước Pháp qui-báu ta, các cô đến ngồi ở chung quanh cái bàn làm việc của chúng tôi đây khác nào như kết một cái vong hoa gồm được hai thứ hoa thơm-tho đẹp-đẽ nhất của nước ta : là sự trai-trẻ và sự thông-minh.

Các cô là tiêu-biểu cho bậc thanh-niên kia, có chí hăng-hái và cõ bụng biết nghĩ, theo như lời thi-nhân nói, « khác nào như con thuyền đương giương buồm ra trước gió hi-vọng mà th ắng chạy tiến lên », tôi muốn đem một cái vấn-đề như sau này bàn với các cô,

co-latine avec une haute et vieille civilisation asiatique.

Je m'excuse de n'avoir ni les dons d'exposition de vos savants maîtres qui trouvent si aisément le chemin de votre raison, ni les brillantes qualités d'un conférencier qui saurait plaire à vos esprits. Je ne suis qu'un administrateur qui a plus l'habitude de l'action que de la parole, mais un administrateur qui aime passionnément ce pays — ce qui est une des meilleures conditions pour bien aimer le sien propre — et qui croit qu'on ne réalise un progrès, qu'on n'accomplit totalement sa tâche, que par la vertu efficiente du don de soi, par la force d'apostolat du cœur et par cette abnégation qui ne connaît d'autre passion que celle du bien des hommes. Ces vertus d'enthousiasme qui vous ouvrent les portes de la connaissance, par la curiosité, vous les possédez. Vous êtes prêtes à vous enrôler dans les rangs des propagandistes des idées justes sur l'Indochine, utiles à répandre parmi les élites comme parmi les masses françaises.

A l'heure où vous allez quitter ce pays encore toutes éblouies par la vision prestigieuse de ses paysages, déjà envoûtées par son charme enveloppant, à l'instant mélancolique de votre séparation d'avec cette France d'Asie, en ce lieu, véritable reliquaire des idées mères de la race annamite, il n'est pas trop tard pour vous parler encore d'elle avec tout le sérieux qui s'attache à un tel sujet.

Vous venez de feuilleter un magnifique livre d'images. Vous les a-t-on expliquées ? Vous avez parcouru en touristes, pressées par les horaires impératifs, un admirable et superbe pays, aux multiples et changeants aspects au gré des latitudes et des races successives qui y

là cái văn-đề bởi hai cái văn-hóa Đông Tây xung-đột nhau mà gây ra.

Tôi xin các cô miễn - chấp cho tôi không có cái tài giảng-nghĩa rõ-ràng như các ông giáo thông-thái dạy học các cô, dễ khiến cho các cô nghe mà thấu hiểu ngay, cũng không có cái tài diễn-thuyết văn-vẻ làm cho các cô khoái-trí mà nghe. Tôi chỉ là một nhà cai-trị, quen thực-hành hơn là quen biện-thuyết, nhưng là một nhà cai-trị gốc lòng yêu-mến Xứ này, — yêu xứ này chính là một cách yêu nước mình, — và tin rằng muốn làm cho trọn cái trách-nhiệm của mình, thời phải biết hiến thân cho nghĩa-vụ, phải có cái bụng truyền-bá điều hay và phải biết quên mình đi mà chỉ biết đến sự lợi-ích của kẻ khác. Người ta phải có biết cảm-mến thời mới giục lòng ham-biết, mà đạt tới cõi tri-thức; những tư-cách đó, các cô đã có cả. Như vậy thời các cô đã sẵn - sàng có thể biên tên vào đội quân những người đi truyền-bá trong dân-gian và trong bọn thương-lưu nước Pháp ta những điều hay điều phải về cõi Đông-Pháp này.

Nay các cô sắp rời xứ này, trong mắt hãy còn chói rọi những cái cảnh rực-rỡ ở đây, như đã bị cái thú chiêm-miên ở xứ này nó làm cho trong dạ mơ-màng, giữa lúc sắp biệt-li cõi Đông-Pháp này, ở ngay đây là cái kho báu các tư-tưởng gốc của giống Việt-Nam, tưởng đem mấy lời trân-trọng mà nói chuyện nước Nam cho các cô nghe, cũng chưa phải là muộn vậy.

Các cô đi du-lịch tới đây khác nào như vừa xem qua một tập tranh ảnh. Có ai cần nghĩa cho các cô những ảnh ấy là gì không ? Các cô vừa đi qua một cõi đất tuyệt đẹp, mỗi nơi mỗi giống bày ra một cái cảnh lạ riêng, nhưng các cô đi lướt qua như bọn khách du-

laissèrent leurs empreintes. Vous avez vu le visage de l'Indochine, fait de maints visages. Mais vous a-t-on montré son âme ? Vous a-t-on dit son passé ? sa grandeur ? Ce que fut l'élaboration de notre œuvre, de cette œuvre dont vous constatez aujourd'hui les résultats, sans pouvoir soupeser l'effort, sans voir aussi tout ce que contient l'Avenir, de questions délicates, de difficiles adaptations.

Pour mieux vous faire comprendre l'étendue du grand problème qui se pose à nos réflexions, sans entrer dans des exposés et des développements qui ne peuvent trouver place dans cette brève causerie, je ne crois pas pouvoir mieux faire que de m'adresser devant vous à nos collègues annamites. Ces lettrés de haute et vieille culture, ces jeunes hommes issus de notre enseignement, que vous voyez groupés autour de vous, sont venus à nous, animés de nobles sentiments de solidarité dans le souvenir et dans la sauvegarde des forces du passé pour mieux construire l'avenir. Eux comme nous, unis dans la même dévotion, à notre impériale capitale, cherchent en ce contact des deux mentalités que les liens d'une même affection rendent plus aisé, les points d'accord où nos deux races, nos deux cultures pourraient librement communier. — Et maintenant c'est à vous, Fils d'Asie, que je m'adresse.

La France qui a aidé un de vos plus grands rois à remembrer son Empire, a mis en vos cœurs une grande espérance. Elle ne vous a pas donné seulement la paix, la sécurité de vos biens et de vos personnes, le développement économique de votre sol, l'augmentation

lich bị ngày giờ hạn-chế. Các cô đã biết mặt cõi Đông-Pháp, là gồm cái bình-dung của mấy xứ. Nhưng có ai chỉ cho các cô biết cái hồn nó không ? Có ai nói cho các cô rõ cái lịch-sử vẻ-vang của các dân-tộc ấy không ? Có ai giảng cho các cô biết cái công-nghiệp của người Pháp ta ở đây gây dựng ra thế nào không ? Chắc các cô chỉ mới trông thấy cái kết-quả rực-rỡ mà chưa lượng được cái công-phu khó-nhọc, cũng chưa thấy được những vấn-dề khó-khẩn về sau này.

Trong một cuộc nói chuyện ngắn-ngủ như hôm nay, không diễn-giải cho tường-tận được, muốn cho các cô hiểu rõ cái vấn-dề lớn-lao mà chúng tôi đương nghiên-cứu, tôi trông không gì bằng xin phép các cô nói mấy câu chuyện với các bậc quan-thân An-Nam đứng đây. Các ngài đây, hoặc là những bậc cổ-học túc-nho, hoặc là những bậc tây-học tân-tiến ở các trường ta ra, đến đây tiếp các cô, là ai ai cũng hoài-bảo một tấm lòng liên-lạc muốn bảo-tồn lấy những sức mạnh của đời trước để gây dựng ra cái nền gốc về sau này. Các bậc ấy cũng như chúng ta đây, ở nơi kinh-đô này là cùng nhau một lòng cảm-mộ đã sẵn có cái tình liên-lạc với nhau thời muốn tìm lấy những chỗ tương-đồng của hai giống mà điều-hòa lẫn nhau, cho hai cái văn-hóa được tự-do thông-đồng. — Nay tôi xin nói riêng với các ngài là con em đất Á-châu.

Nước Pháp đã giúp cho một bậc đại-đế của các ngài thu-phục được giang-sơn nước nhà, thật đã gây cho các ngài một tấm lòng hi-vọng rất lớn-lao. Không những đem lại cho các ngài sự bình-an, khiến cho sinh-mệnh tài-sản được vững-vàng, ruộng đất được

de vos richesses, elle vous apporte encore le merveilleux secret qui va vivifier et faire s'épanouir vos qualités propres, les idées nourricières de votre pensée. Par « le miracle français », vos âmes s'agrandiront, le champ de vos conceptions s'élargira. Il ne s'agit ici d'aucun renoncement, d'aucune table rase, mais bien au contraire de dépasser dans le plan même de votre culture, et par le moyen de vos facultés renouvelées le stade où vous vous êtes immobilisés depuis des siècles.

Notre civilisation, héritière de la civilisation de la Grèce, peut seule conduire cette évolution régénératrice et féconde. Le miracle que la Grèce a permis en Gaule et en Occident, vous pouvez avec la France, le renouveler sur votre propre sol.

La France vous apporte ce qui a toujours manqué à l'Asie : une méthode de penser faisant germer et fructifier vos conceptions. Ne vous êtes-vous jamais demandé, par quelle étrange impuissance, l'Asie qui vit naître toutes les religions, qui a remué tant de problèmes, qui a donné naissance à tant de peuples, n'a pu pourtant saisir et dresser au-dessus du monde, pour illuminer sa route, le flambeau lumineux du savoir. C'est qu'il lui a manqué une pensée purement spéculative et désintéressée. C'est qu'elle n'a pas su révéler à l'humanité la simple raison humaine. On est, en Asie, a-t-on dit, prêtre, prophète, mage, thaumaturge, sage parfois, on n'est jamais penseur au sens philosophique du mot. Certes, l'Orient nous a donné d'admirables matériaux intellectuels ; des mythes religieux, des con-

mở-mang, của-cải được tăng-tiến, lại đem cho các ngài cái diệu-thuật có thể làm cho chấn-hưng phát-đạt những tư-cách cố-hữu của các ngài, đem cho những cái lý-tưởng có thể nuôi bổ cho tư-tưởng của các ngài. Nhờ có cái diệu-thuật của nước Pháp đó, tâm-hồn các ngài sẽ được khoát-đạt ra, và cái phạm-vi tư-tưởng của các ngài cũng sẽ được rộng-rãi thêm ra. Không phải là phải trừ bỏ, phải phá-hoại cái gì, nhưng cứ theo một cái đường văn-hóa cũ của các ngài, chấn-loát những năng-lực riêng của các ngài mà có thể vượt qua được cái trình-độ đã ngưng-trệ trong mấy trăm năm.

Chỉ có cái văn-minh của nước Pháp chúng tôi, kế-thừa cái văn-minh của Hi-lạp ngày xưa, là có thể hướng-đạo cho sự tiến-hóa tốt lành đó. Hi-lạp ngày xưa đã giúp cho nước Gaule và các nước Âu-tây tiến-hóa thế nào, thì nước Pháp cũng có thể giúp cho nước các ngài tiến-hóa như thế.

Nước Pháp đem lại cho các ngài một cái quà xưa nay Á-châu chưa bao giờ có : là một cái phương-pháp tư-tưởng khiến cho sự tư-tưởng có kết-quả. Các ngài có từng bao giờ tự hỏi rằng vì có gì mà đất Á-châu kia đã từng sản-xuất ra khắp các tôn-giáo, đã khởi ra biết bao nhiêu những vấn-đề, đã sinh ra biết bao nhiêu những dân - tộc, mà vẫn không thể giờ được cái đức văn-minh lên cao hơn cả thế-giới để chiếu - diệu cho cả loài người. Là bởi vì thiếu không có cái tư-tưởng thuần-lý và vô-tư-kỷ. Là bởi vì không biết tỏ rõ cho loài người biết cái lý - tính thuần-túy. Có người đã nói người Á-châu có khi là nhà tôn-giáo, có khi là nhà tiên-tri, có khi là đạo-sĩ, là thuật-sĩ, cũng có khi là bậc triết-nhân, quân - tử, nhưng không bao giờ có nhà tư-tưởng thuần-túy. Đông-phương đã cung-cấp cho

naissances pratiques, des procédés techniques, mais tous ces dons seraient restés sans force et sans vertu s'ils n'avaient été cités par la pensée grecque devant cette raison, mère de la méthode, d'où devait naître la science, instrument de tout progrès.

Si, comme on l'a dit aussi, « savoir c'est s'adapter méthodiquement », votre rôle devrait être semblable à celui de ces Celtes de Provence et du Languedoc qui surent si bien profiter des leçons et des idées qu'ils échangèrent avec les Grecs venus de Phocée. Un historien français qui a reculé les temps mythiques de notre histoire jusqu'à des époques qui rejoignent et dépassent votre fabuleux passé, Camille Jullian, a écrit à ce sujet, des phrases qu'il nous faut méditer ensemble :

« Qu'on laisse donc la Gaule demander à la Grèce de l'initier à la culture méditerranéenne. Peu importe qu'elle s'en instruisse d'abord lentement en hésitant, sans renoncer à de chères habitudes. Les progrès les plus sûrs d'un peuple ne sont pas les plus rapides, ni ceux qui lui ont été imposés. C'est de cette manière douce et consentie que Rome s'est fait élever jadis par les Grecs, qu'elle a reçu d'eux la forme de ses dieux, les directions de son art et de ses lettres et qu'elle les a reçues en les adaptant aux traditions de sa langue et aux pratiques de son esprit sans rien perdre de ses facultés propres. D'une alliance spontanée entre la nature gauloise et l'éducation hellénique l'Histoire était en droit d'attendre une civilisation nouvelle originale et char-  
« mante ».

ta nhiều những tài-liệu qui-báu về tinh-thần, vẫn biết thể, nào là những truyện thần-tiên, nào là những điều thực-tiên, nào là những phương kỹ-thuật, nhưng mà những tài-liệu ấy ví không có tư-tưởng Hi-lạp đem ra mà đối-chiếu với lý-tính, rồi mới sáng-nghĩ ra phương-pháp, rồi mới sản-xuất ra khoa-học gây ra mọi sự tiến-bộ ở đời, thời những tài-liệu ấy cũng là vô-bổ, vô-lực.

Người ta thường nói « tri-thức là biết chăm-chước cho phải đường », nếu lời nói ấy là phải thời cái công việc của các ngài bây giờ cũng giống như dân *Celtes* ở đất *Provence* và đất *Languedoc* nước Pháp khi xưa, biết khéo lợi-dụng những bài học cùng những tư-tưởng của người Hi-lạp ở *Phocée* đến. Ông CAMILLE JULLIAN là một nhà làm sử Pháp đã khoáng-trương cái phạm-vi sử-học nước Pháp cho tới những thời-dại cổ bằng lịch-sử tiền-cổ của các ngài, có viết mấy câu như sau này, ta nên cùng nhau ngẫm-nghĩ :

« Cứ để cho đất *Gaule* nhờ Hi-lạp cho hưởng-thụ cái văn-hóa Địa-trung-hải. Dù lúc mới đầu có từ-từ ngần-ngại một chút, chưa chịu bỏ những lề-thói cũ của mình, cũng chẳng hề gì. Một dân muốn cho tiến-bộ chắc-chắn, không cần phải đi mau, cũng không cần phải ai cưỡng-bách đi. La-mã ngày xưa cũng nhờ Hi-lạp hướng-đạo cho dần dần như thế mà tấn-tới lên, về tôn-giáo, về mỹ-thuật, về văn-chương đều mượn những hình-thức phương-pháp của Hi-lạp mà lại biết khéo điều-hòa thích-hợp với những thói-cách riêng của ngữ-ngôn tính-tình mình, không mất cái bản-năng của mình bao giờ. Lấy cái bản-năng của dân *Gaulois* chịu sự giáo-dục của người Hi-lạp, tất xuất-hiện ra trong lịch-sử một cái văn-minh mỹ-miền mới-lạ. »

Par notre accord et par une coopération mutuelle, c'est une civilisation de cette nature que vous devez faire épanouir sur les bords de l'Océan Pacifique.

La belle entreprise pour un peuple et quel admirable idéal à lui proposer ! Quel exemple de concorde et d'union à léguer aux générations futures ! Mais que d'embûches à surmonter, que de résistances aveugles à vaincre avant de réaliser ce beau projet !

Dans une œuvre où le temps constitue le facteur principal du succès, il nous faudra les uns et les autres surmonter le découragement et la lassitude des meilleures volontés ; subir et user l'ignorance obstinée des contempteurs des jours présents, de ceux qui jetteront l'anathème au nom de traditions archaïques et périmées.

Nos adversaires appelleront à leur secours, pour nous combattre, ces idées aujourd'hui en cours chez les peuples d'Europe, aux espérances déçues par la défaite, qui se tournent vers l'Asie pour lui demander le magique talisman du bonheur et de la paix des âmes. Phénomène fatal de réactions connues de l'Histoire après chaque grande crise, dont nous devons ne pas être dupes, contre lequel nous devons vous prémunir. Ne nous laissons tromper ni entraîner par cette recherche mystique des sources, par cet engouement teutonique pour des religions asiatiques qui depuis de longs siècles ont perdu toute force d'expansion et qui ne servent actuellement qu'à concrétiser des sentiments nationalistes xénophobes. Non, la belle et pure métaphysique bouddhique, la discipline rationaliste confucéenne, n'assurent point le bonheur de

Nhờ sự đồng - tâm hiệp - lực của chúng ta đây, các ngài phải làm thế nào gây lấy ở trên bờ Thái-bình-dương này một cái văn-minh như thế.

Còn có sự-nghiệp nào hay cho một dân-tộc bằng sự-nghiệp ấy ? Còn có lý-tưởng nào đẹp bằng ? Còn có cái cương hòa - hạp nào tốt bằng để truyền cho người đời sau ? Nhưng mà muốn thi-hành được cái đại - sự - nghiệp đó, sẽ phải gặp biết bao nhiêu là sự ngăn - trở, biết bao nhiêu là sự dè - kháng phải thắng cho được !

Trong sự - nghiệp này, thời - giờ là nguyên-lực đệ-nhất cho sự thành-công; chúng ta đây dẫu bền chí thế nào cũng có lúc chán - nản, ta phải biết thắng những sự-chán-nản ấy ; ta lại sẽ gặp những kẻ ngu không biết, nhất - thiết cho ngày nay là không bằng ngày xưa, dương - danh những cái cổ-tục hủ lậu để thóa - mạ chúng ta, ta cũng phải nhẫn-nhục mà dần dần thắng cho được.

Ngày nay ở các dân - tộc Âu - châu bị thất-bại mới rồi, có lắm kẻ chán cái văn-minh Thái-Tây quay về Á-châu để tìm cái bí-thuật hạnh-phục thái-bình, cái tư-trào ấy ngày nay đương thịnh-hành, những kẻ phản-đối ta sẽ mượn đó mà chống lại. Song sự đó cũng là một cái hiện-tượng tất-nhiên trong lịch-sử, mỗi khi qua một buổi nguy-cơ thời người ta hay ngã lòng như thế, ta chớ có ngộ-nhận mà phải biết phòng-bị. Ta chớ nên mắc lừa mà để cho nấp vào cái phong - trào suy nguồn tìm cội một cách mơ - màng thần - bí đó, cái phong - trào sinh những đạo - giáo Á-châu đương thịnh-hành ở nước Đức, những đạo-giáo ấy đã mấy trăm năm nay mất hết cả sức bành-trướng đi rồi, bây giờ chỉ làm tiêu - biểu cho những chủ-nghĩa quốc - gia, chủ - nghĩa bài-ngoại mà thôi. Không, cái thuần - lý-học của đạo Phật, cái tính-lý-học của đạo nho, không làm cho người ta được

l'homme. Le spectacle que nous offre l'état d'anarchie de nos voisins suffirait à nous en fournir témoignage.

Ne cherchez nul autre idéal que le nôtre, pour poursuivre en sûreté votre route. Si votre esprit, si votre cœur s'émeuvent devant le conflit douloureux que font naître en vous le heurt des idées, la recherche des certitudes, croyez que vous n'aurez en ce débat nul meilleur guide que notre culture française qui ne cherche ni à violenter la vôtre, ni à se substituer à elle, mais qui veut l'aider à se libérer des liens qui entravent encore son essor.

Cette culture, vous la connaissez. Vous savez ce qu'elle a produit au cours des âges et hier encore lors du grand drame mondial. Vous avez mesuré la grandeur, la noblesse, la force, le désintéressement de notre civilisation. Ne vous laissez pas aveugler par les sophistes, leurrer par les insidieuses calomnies des ennemis de notre clair génie. Tournez-vous vers la France victorieuse, si belle malgré le legs tragique et douloureux de la Grande Guerre, si frémissante de forces contenues, montrant de toutes parts les signes évidents d'une prospérité prochaine que lui apportera demain dans la paix fraternelle sa jeune génération, — dont vous êtes, Mesdemoiselles, — riche des plus solides qualités, des plus robustes vertus de notre race.

La dernière moitié du présent siècle verra le splendide et merveilleux épanouissement de la France. Tu dois, Peuple d'Annam, participer à cet éclatant triomphe de la paix française. Tu es fils adoptif de France et tout ce qui intéresse ce pays ne peut te rester étran-

hant-phúc. Cứ xem cái tình-trạng của láng giềng ta đây, đủ làm chứng-cớ vậy.

Các ngài muốn cho cái tiền-đồ được chắc-chắn, chỉ nên theo cái lý-tưởng của chúng tôi. Nếu gặp cái cảnh đau-đớn hai cái tư-tưởng xung-đột nhau, chưa biết thế nào là chuẩn-dịch, mà lòng các ngài, trí các ngài có bối-rối phân-vân thời các ngài cứ tin rằng không có gì hướng-đạo cho các ngài tốt bằng cái văn-hóa của nước Pháp chúng tôi, văn hóa này không có áp-chế văn-hóa của các ngài, không có lẫn mất văn-hóa của các ngài, nhưng giúp cho thoát-li được những cái lè-lỗi cũ nó ngăn-trở cho không tiến lên được.

Văn - hóa của nước Pháp thế nào, các ngài đã biết đấy, các ngài đã biết văn-hóa ấy đời đời sinh - sản được những gì, và ngay trong cuộc đại-chiến-tranh mới rồi đã làm được những gì. Các ngài đã hiểu rõ cái văn - minh của chúng tôi lớn - lao, cao-thượng, mạnh - mẽ, thuần-túy là dường nào. Các ngài đừng đề cho những kẻ nguy-biến nó ngộ-hoặc, đừng nghe những lời sàm-báng của những kẻ phản-đối cái tinh-thần sáng-suốt của chúng tôi. Các ngài nên quay về nước Pháp thiện-thắng kia, tuy qua buổi chiến-tranh bị tai-hại đã nhiều, mà vẫn vẻ-vang, vẫn mạnh-mẽ, khắp trong nước đâu đâu cũng trông thấy cái triệu tốt đại-phú-cường về sau này, mà sự phú-cường ấy là nhờ những bọn tân-tiến, — tức là các cô đó, — gồm được những đức hay tính tốt của giống nòi chúng ta.

Hậu-bán thế-kỷ này sẽ được trông thấy cái cảnh rực-rỡ nước Pháp toàn-thịnh. Sự toàn-thịnh ấy, Nam - Việt sẽ được dự một phần. Dân Nam-Việt là con nuôi của Đại-Pháp, cái gì quan-hệ đến nước Pháp không thể không quan-hệ đến nước Nam. Dân Nam-Việt hiện

ger. Tu as un rôle à remplir. Il te faut désormais t'appliquer patiemment à comprendre cette seconde Patrie, à te faire comprendre d'elle et rien n'est plus aisé à ceux qui savent aimer.

Peuple d'Annam, tu ne vivras, tu ne grandiras, tu ne mériteras le nom de peuple que par l'aide que toujours te donnera, sans bas calculs, ce peuple français, au cœur et à l'esprit hospitalier.

Médite la belle image du Poète du Livre des Rois : « Celui qui se tient sous un arbre puissant sera garanti du mal par son ombre. »

Crois et suis les conseils que te donne un ami sincère. Hors de l'ombre tutélaire du robuste chêne de France, tu ne connaîtras que des terres ingrates, tu poursuivras vainement de fallacieux mirages, de dangereuses illusions, pour ne trouver enfin que de cruelles et décevantes chimères. Au contraire, par l'union de l'âme annamite à l'âme française, je vois s'ouvrir pour toi, O Annam millénaire, mais renaissant, une ère de dix mille années de prospérités nouvelles !

Mesdemoiselles,

Nous ne réaliserons ces nobles ambitions qu'avec la conquête des intelligences et des cœurs, conquête bien plus difficile, bien plus périlleuse que celle du sol et des richesses de la nature.

Avec le temps, nos conceptions de conquérant d'abord, de colonisateur et d'associé ensuite, se modifieront graduellement. Pour conduire la jonque annamite vers les horizons sereins, s'imposera à ses pilotes français et à son équipage indigène une collaboration chaque jour plus étroite, chaque jour plus intime.

Le progrès n'est pas fait du mépris de ce qu'on ne comprend pas et de la

nay có một cái nghĩa-vụ phải làm. Là phải chăm-chỉ cho hiểu biết cái mẫu-quốc thứ nhì của mình, cho mẫu-quốc hiểu biết mình, hễ biết thương yêu nhau thì không gì dễ bằng.

Dân Nam-Việt phải biết rằng chỉ có nhờ nước Pháp có lòng khoan-dung đại-độ, không có bụng mưu-mô tư-ký gì, giúp đỡ cho, thời mới có thể sinh-tồn phát-dạt được, mới xứng-đáng gọi là một dân-tộc.

Phải ngẫm-ngĩ câu thơ trong kinh Đê-vương nói rằng : « Kẻ nào đứng dưới bóng cây lớn thời được nhờ bóng mà khỏi sự chẳng lành. »

Dân Nam-Việt nên tin, nên theo lời khuyên của một người bạn thành-thực. Ra ngoài cái bóng bảo-hộ của cây « sen » nước Pháp, thời chỉ gặp những đất sành-sỏi, chỉ mơ-màng những sự chẳng đầu đầu, những cái ảo-tưởng nguy-hiêm, rồi kết-cục đến gặp những sự thất-vọng đắng-cay. Nếu trái lại mà biết hòa-hợp hai cái hồn Pháp-Việt, thời nước Cờ-Việt mấy nghìn năm kia sẽ được hưởng muôn năm thái-bình hạnh-phúc !

Các cô,

Muốn thực-hành được cái hi-vọng lớn-lao đó, thời phải làm thế nào thu-phục được nhân-tâm nhân-trí, sự thu-phục này lại khó-khăn nguy-hiêm hơn là sự chinh-phục đất nước và của-cải.

Trước ta còn là kẻ chiếm đất, sau ta mới trở nên kẻ khai đất và kẻ hiệp-lực với người bản-dân, cái tư-trởng ta mỗi ngày một thay đổi dần đi. Cái thuyền Nam-Việt muốn cho thuận buồm xuôi gió mà đưa đến những bến thành-thời, thời kẻ cầm lái người Pháp với kẻ thuyền-viên người Nam phải càng ngày càng đồng-tâm hiệp-lực với nhau mới được.

Muốn tiến-bộ không phải là nên khinh rẻ những cái gì mình không

substitution de modes nouveaux à des modes qu'on veut ignorer et qui accorderaient pourtant le rythme de la vie. Il n'y a progrès qu'avec compréhension, connaissance profonde des âmes, de leurs principes directeurs qui sont fonction de la structure des cerveaux. Alors seulement, en s'adaptant mutuellement par la lente action de l'éducation et du temps, par la pénétration des mobiles qui agissent le plus constamment sur les actes des hommes, l'évolution heureuse et souhaitée se produira naturellement et sans violence.

Vous pouvez nous aider dans cette œuvre de longue haleine qui demande tant de doigté, tant de patience, tant de sensibilité et de subtilité qu'il semble qu'une femme y soit plus électivement appelée.

En France vous rencontrerez des fils d'Annam. En songeant à tout ce qui nous différencie d'eux, à tout ce qui nous sépare, à l'effort que représente pour eux l'acquisition certaine d'une seule de nos idées, vous serez indulgentes à leur vain orgueil, comme vous serez indulgentes aussi à ceux des nôtres qui porteront parfois sur nos frères jeunes de sots jugements et vous pardonnerez aux uns et aux autres « car ils ne savent pas ».

J'ai abusé de votre patience. Excusez-m'en, et laissez-moi vous remercier bien vivement de la très grande attention que vous venez d'accorder à une pauvre causerie sur un bien grand et bien grave sujet.

hiếu, không phải là đem những hình-thức mới thế vào những hình-thức cũ mình không muốn biết, nhưng nó hợp với chi cách-điều sinh-hoạt của người ta. Muốn tiến-bộ thời phải am-hiểu, thấu-triệt tâm-lý người ta, phải biết những cái nguyên-lý làm gốc cho sự tư-tưởng và cũng do cái chất óc của người ta mà sinh ra. Nhiên-hậu mới có thể châm-chước lẫn nhau, nhờ sự giáo-dục, nhờ cả thì-giờ, thấu-hiểu được cái duyên-cớ của mọi sự hành-vi của người ta, bấy giờ thời tự-nhiên mà tiến-hóa, không phải bạo-động gì.

Các cô có thể giúp chúng tôi trong công việc đó, là việc lâu dài, cần phải khôn-khéo, phải kiên-nhẫn, phải có cảm-giác, có trí-tuệ, toàn là những tư-cách người đàn bà có lẽ hay hơn đàn ông.

Về Pháp các cô sẽ gặp người Nam-Việt. Các cô phải nghĩ rằng người ta khác chúng ta là đường nào, muốn cho thấu-hiểu một cái tư-tưởng của ta phải công-phu là đường nào, thời hoặc có thấy họ tự-cao cũng nên khoan-dung cho họ và cũng nên khoan-dùng cho cả những kẻ đồng-bào ta hay bình-phẩm xằng về các anh em da vàng ta; nên rộng lòng tha lỗi cho cả kẻ nọ kẻ kia, vì là họ không biết.

Tôi đề các cô ngồi nghe lâu thế này, thật cũng quá. Các cô thử cho tôi, và đề tôi cảm ơn các cô đã chú-ý nghe một bài nói chuyện tâm-thường về một vấn-đề quan-trọng.



## Faire la conversation

L'Académie française vient d'attribuer son grand prix de littérature à M. Abel Bonnard. Il était difficile de faire un meilleur choix. Un tel écrivain offre toutes les grâces de l'esprit et du cœur qui doivent plaire en notre pays, toutes les vertus traditionnelles en France : la finesse et la force, le sourire et la gravité, la tenue et l'aisance, le pessimisme et l'optimisme, et tout cela ensemble, tout cela merveilleusement uni et artistement fondu. Un Français, dis-je, un vrai Français, sans aucune trace de vulgarité plébéienne, d'orgueil pédant, de mollesse barbare ni d'emphase étrangère. Son dernier ouvrage, *En Chine*, tenons-le pour un pur chef-d'œuvre, sans mâcher le mot : la langue parfaite, l'élévation et la souplesse de la pensée, une merveilleuse curiosité d'esprit, tout séduit, étonne, persuade. Un chef-d'œuvre : on a un peu trop peur de ce terme, certes intimidant. Il faut pourtant l'employer quelquefois.

Néanmoins, et tout ceci dit, nous voudrions croire que l'Académie ne s'est pas moins piquée d'honorer en la personne de M. Abel Bonnard l'un des plus séduisants causeurs qui nous restent à cette heure, en France. Talent trop oublié aujourd'hui, en effet, que celui de faire la conversation ; talent réduit à périr demain, si l'on n'y prend garde ; talent qui cependant fut une des inimitables « spécialités » françaises au temps du café Procopée et des salons illustres de notre grand siècle (le XVIII<sup>e</sup>), au temps que l'on mena vraiment la vie heureuse dans le monde où l'on ne s'en-nuyait jamais, au temps de Diderot, de *Candide* et des soupers dont on ne se lassait pas, et des bavards, des intarissables et déficients bavards, à la fois si ardents et si polis... Qui ne sait que M. Abel Bonnard maintient encore, dans notre société où tant de choses vacillent, cette belle tradition-là ?

Assurément, il n'est point le seul. On nommerait d'autres causeurs, d'autres spécialistes. Quelle mélancolie, que d'en venir à qualifier, dans Paris même, nos causeurs de « spécialistes » ! Il n'y avait

pas un étranger, sous Louis XV et Louis XVI, qui ne s'émerveillât dès son arrivée — les moindres mémoires en font foi — de la déconcertante et infatigable aisance avec laquelle presque tous les Français, et jusqu'aux plus humbles, parlaient sans trêve sur n'importe quoi. Et de quelle affabilité, devenue pour ainsi dire involontaire, nos pères n'usaient-ils pas ! Quelle obligeance, et quelle bonhomie !... Présentement, observez nos compatriotes ; dès qu'un inconnu s'adresse à eux, ils se méfient, comme s'il allait leur voler leur montre. C'est ce qu'on appelle le progrès.

Après cet âge d'or de la conversation, on a sans doute connu encore de bonnes époques. Il est cependant permis de douter que nul causeur ne se soit facilement approché, par exemple, de la perfection de langage, de la verve, de la finesse, de l'élégance, de la magie poétique, de la gaieté, de l'imprévu et de l'éblouissante aisance témoignée par un Rivarol. On se rappelle certainement les pages qu'écrivit Chênédollé après avoir vu, ou plutôt entendu ce « dieu de la conversation », ainsi qu'il le nomme, en 1795, à Hambourg, où tous deux se trouvaient en exil :

« Rivarol, écrit notre Chênédollé, se lança dans un de ces monologues où il était vraiment prodigieux... Et le voilà qui se met à développer son sujet avec une abondance d'idées, une richesse de vues si fines ou si profondes, un luxe de métaphores si brillantes et si pittoresques, que c'était merveille de l'entendre... C'était vraiment des paroles de féerie... Et il continuait à développer son thème avec une profusion d'images toujours plus éblouissantes. Il passait tour à tour, de l'abstraction à la métaphore, et revenait de la métaphore à l'abstraction avec une aisance et une dextérité inouïes. Je n'avais pas idée d'une improvisation aussi agile, aussi svelte, aussi entraînant. J'étais tout oreille pour écouter ces paroles magiques qui tombaient en reflets pétillants comme des pierreries, et qui d'ailleurs étaient prononcées avec le son de voix

le plus mélodieux et le plus pénétrant, l'organe le plus varié, le plus souple et le plus enchanteur. J'étais vraiment *sous le charme*, comme disait Diderot... Le reste de la conversation se passa en feu roulant d'épigramme)... »

Et le visiteur, presque en extase, ajoute : « Trois heures s'écoulèrent en ces entretiens, et me parurent à peine quelques instants ». Rentrant avec un ami après cette débauche d'esprit, ils se murmuraient l'un à l'autre ainsi que des hallucinés : « Quel causeur extraordinaire !... » sans pouvoir, de toute la soirée, trouver d'autres paroles.

Il s'en fallait, naturellement, qu'au dix-huitième siècle tous les exquis bavards de salon, de souper et de café eussent atteint sans réserve à cette maîtrise. Toutefois, on causait, on causait sans trêve ni fatigue, et avec un art dont les témoins de ce siècle vivace nous ont conservé le souvenir enivré. On doit bien convenir qu'aujourd'hui ce secret est perdu. Il y a quelque tristesse à entendre parler la plupart de nos contemporains ; à peine s'ils en sont capables. Ils ne terminent pas leurs phrases, ne trouvent point leurs mots, répètent toujours les mêmes, usent d'une syntaxe d'enfant, anonnent, hachent leurs propos de perpétuels « N'est-ce pas... » Une pitié. Pour une comtesse de Noailles, dont on connaît la verve inouïe, pour un André Beaunier, qui s'exprime aussi impeccablement et adroitement qu'il écrit, pour quelques autres encore ça et là, que de primaires, cependant, aux entretiens inhabitables et laborieux ! En outre, on s'arrache le plus souvent la parole avec la dernière violence, on se contredit sans la moindre excuse, l'on fait fi de toute précaution oratoire, de toute flatterie envers autrui, quelquefois de toute bonne grâce. La conversation est un plaisir perdu, comme tant d'autres ! Encore une fois, c'est le progrès.

Or, par le plus singulier et délicieux anachronisme, voici M. Abel Bonnard qui sait précisément parler, lui, comme

au bon temps, comme jadis. Rien, en vérité, ne manque au talent d'un tel causeur. Il s'entend à manier une langue forte, précise et souple, singulièrement variée, à faire briller les vingt facettes d'une idée. On lui connaît l'audace souriante de ne point reculer devant une tirade un peu longue, qu'il terminera sans nulle peine, souvent par un trait pittoresque, ou charmant. Vous le verrez courtois à ravir, attentif aux nuances, incapable de froisser personne, du moins par erreur. Sa culture est étendue, ses souvenirs nombreux : et pourtant, ce n'est pas lui qui s'abandonnerait à cette contrefaçon d'entretien, consistant à raconter sans répit des anecdotes. Qu'il s'en présente une, il la rappellera volontiers en passant : mais il délaissera vite cette conversation pour ainsi dire économique.

Il est vrai que nous écoutons pieusement les derniers causeurs — si rares ! — dès qu'une bonne fortune nous met sur leur chemin et notre déférence envers eux ajoute beaucoup à l'autorité comme à la grâce de leurs propos.

Il est vrai, également, que M. Abel Bonnard jouit, en outre, d'une mémoire remarquablement entraînée, qui lui permet de se rappeler tous les arguments de ses contradicteurs au cours d'une discussion ; de même qu'il témoigne une patience infinie, grâce à laquelle il sait attendre qu'une assistance consente à cesser de crier dans la pire confusion autour d'une table ou dans un salon...

Il faut, en effet, plus d'une vertu pour bien parler en notre société contemporaine. M. Abel Bonnard les montre toutes. Nous voudrions que l'Académie eût honoré non seulement le prestige de l'écrivain, mais aussi celui du causeur : ce talent, traditionnel dans l'ancienne France, mérite avant sa mort définitive toutes les fleurs et toutes les couronnes.

Marcel BOULENGER

(Le Figaro)

## Considérations sur l'Art Annamite

Au contraire de l'art d'origine hindoue, dont les chefs-d'œuvre, au Cambodge et au Champa, datent de six ou sept siècles, et dont les plus antiques vestiges remontent aux premiers siècles de notre ère, l'art annamite ne nous offre rien de très ancien, même en architecture.

Cela tient probablement à son origine ; en effet, l'architecture chinoise n'emploie que la brique et le bois ; — en fille obéissante, l'architecture annamite n'utilise que le bois et la brique, réservant à quelques statues, plus massives que belles, la pierre calcaire, abondante dans le pays, et les marbres tels que ceux des fameuses grottes de Tourane. Brique et bois ne se prêtent guère à une longue conservation ; ils résistent mal à l'usure du temps, et pas du tout à la destruction causée par les guerres. C'est pourquoi les monuments qu'on trouve en Annam et au Tonkin ne sont que des constructions modernes.

Que ce soit encore la nature des matériaux employés ou toute autre raison que nous ignorons, les architectes annamites n'ont presque rien édifié en hauteur ; la tour de Confucius, à Hué, fait seule exception ; et encore, bien que comptant plusieurs étages, n'est-elle pas élevée et ne peut-elle soutenir aucune comparaison avec les monuments khmers, ni même avec les dômes édifiés par les Chams.

Les temples et les palais, comme les simples maisons d'habitation, sont des bâtiments sans étage au toit immense et débordant. Cette disposition, d'origine lointaine, est admirablement appropriée à ce pays où il faut que la demeure soit abritée des pluies torrentielles et du soleil ardent.

Le choix du site est toujours heureux ; peut-être l'Annamite, en cela, montre-t-il une sensibilité artistique supérieure à celle du Chinois : les plus jolis coins de la campagne, le tournant d'une vallée, le bord d'une forêt sont toujours complétés par quelque pagode, grande ou petite, abritée par de beaux arbres, qui donnent une pensée au paysage.

Les plus grands temples sont souvent annoncés par des colonnes carrées, revêtues d'or-

nements de faïence, surmontées de sculptures symboliques (telle la pagode des Dames, près de Hanoi). Entre ces propylées passe une large avenue ; plus près du temple, un portique se dresse comme un petit arc de triomphe.

Parfois (comme à la pagode des Corbeaux, à Hanoi) il faut franchir trois portiques successifs. Enfin, une série de terrasses, encadrant des bassins rituels, un immense pavis dallé, et voici, tout au fond, le monument, sous son vaste toit aux longues courbes, ouvrant ses allées dans l'ombre où les colonnes laquées luisent comme les troncs d'une forêt obscure.

Tel apparaîtra également le palais de l'Empereur d'Annam où les cérémonies feront évoluer le foule rutilante des hauts dignitaires ; tels seront surtout, chefs-d'œuvre de l'Extrême Orient, les tombeaux de ses ancêtres, aux portes de la Capitale.

Ici, l'artiste a modifié le paysage, coupant une colline, agrandissant une autre, accentuant les courbes de la rizière, plantant en un lieu de choix, à grands frais, des pins venus de loin, laissant ailleurs la forêt pousser librement. La région tout entière où nulle culture, nulle habitation n'est permise, forme un vaste parc majestueux et silencieux réservé au repos éternel des empereurs défunts.

Dans ce paysage, d'une poésie pénétrante et d'une indicible mélancolie, nous retrouvons, enveloppés de verdure et modifiés au goût de chaque empereur, les mêmes ensembles de larges avenues, de portiques (ceux-ci ornés de vieux émaux, en partie brisés, mais encore chatoyants), de terrasses en gradins, bordées de fleurs, d'eaux courantes et dormantes. Au fond, apparaissent les pagodes, pleines d'objets précieux que gardent, telles des fantômes, les dernières épouses des princes d'autrefois. Et enfin, tout en arrière, c'est l'enclos au mur nu, austère, où le corps du souverain est déposé. Souvent, comme pour Minh-Mang et Thiệu-Trí, aucun signe extérieur ne marque la place où il est caché sous le gazon que nul ne vient fouler, à l'ombre des grands pins funèbres...

G. M.

(La Presse Indochinoise)